TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ THIỆN** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 11/4/2018
"V/v tuyên bố không công nhận vợ chồng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
- - - - - - - -
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ THIỆN TỈNH GIA LAI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:* Ông Ksor Jưh
- *Các Hội thẩm nhân dân:*
1. Ông Rmah Et
2. Bà Phạm Thị An
- *Thư ký phiên tòa:* Ông Phạm Bá Thới – Thư ký Toà án nhân dân huyện P T, tỉnh Gia Lai ghi biên bản.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P T, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Ngọc Minh – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 4 năm 2018, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện P T, tỉnh Gia Lai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 18/2017/TLST- HNGĐ ngày 28/11/2017, về việc *"Yêu cầu tuyên bố không công nhận vợ chồng"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2018/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2017, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Ksor H,** sinh năm 1984
Địa chỉ: Tổ dân phố 21, thị trấn P T, huyện P T, tỉnh Gia Lai. (Có mặt)
Bị đơn: Anh **Rcom B,** sinh năm 1986;
Địa chỉ: Tổ dân phố 21, thị trấn PT, huyện P T, tỉnh Gia Lai (Vắng mặt)
- *Người phiên dịch:* Bà Ksor Đ – Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 27 tháng 11 năm 2017, bản tự khai cùng các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Ksor H trình bày:

Chị và anh Rcom B có thời gian tìm hiểu nhau. Đến tháng 3 năm 2004 thì làm lễ hỏi, đến tháng 7 năm 2004 gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục, quá trình chung sống thời gian dài nhưng chị và anh Rcom B không đăng ký kết hôn theo quy định.

Sau khi chung sống với nhau được một thời gian thì chị và anh B xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh B hay say sỉn, thường xuyên đánh đập chị và đập phá tài sản trong nhà. Sự việc kéo dài và ngày càng trầm trọng. Mặc dù đã được ban nhân dân tổ dân phố cũng như hai bên gia đình hòa giải nhiều lần nhưng anh B vẫn không thay đổi, vì con chị đã chịu đựng hơn 10 năm nay. Vậy nay chị cho rằng tình cảm vợ chồng không còn nữa, hạnh phúc đã hết nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết tuyên bố không công nhận vợ chồng giữa chị và anh Rcom B.

Về con chung: chị và anh B có 02 con chung là: Ksor M, sinh ngày 05/12/2004; và Ksor L, sinh ngày 29/01/2007. Nay chị yêu cầu được nuôi cả hai con và không yêu cầu anh Rcom B cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ: Có nợ bà Võ Thị Thanh Tr ở tổ dân phố 18, thị trấn P T số tiền 48.150.000đồng, chị tự nguyện chịu trách nhiệm trả toàn bộ số nợ không yêu cầu anh B phải trả.

Đối với bị đơn anh Rcom B mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng anh B không đến làm việc, Tòa án đã tiến hành xác minh và lập các thủ tục niêm yết công khai văn bản tố tụng theo quy định nhưng anh B vẫn không đến Tòa án giải quyết vụ việc và cố tình vắng mặt sau nhiều lần triệu tập, thông báo của Tòa án, đồng thời bị đơn cũng không có ý kiến phản hồi gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P T, tỉnh Gia Lai phát biểu quan điểm về tố tụng và nội dung vụ án như sau:

Căn cứ các Điều 21, 28, 35, 147, 170, 203, 205, 232 và 262 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53; điều 81; 82 của Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ khoản 4 Điều 3 Thông tư số 01/2016/TTLT/TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27; Điều 47; Điều 48 của Nghị quyết 326/2016/UTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng, trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã thực hiện đầy đủ từ khâu thụ lý, thông báo về phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận và hòa giải, các bước tống đạt quy trình tố tụng đã thực hiện đúng quy theo quy định, đúng thẩm quyền giải quyết, thời hạn giải quyết vụ án đảm bảo, giải quyết theo yêu cầu nội dung khởi kiện; Hội đồng xét xử thực hiện đầy đủ trình tự các bước của phiên tòa dân sự sơ thẩm.

Về nội dung: Quan hệ tranh chấp không công nhận quan hệ vợ chồng là đúng, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn theo quy định.

Về con chung: Có 02 con chung, đề nghị giao cho chị Ksor H nuôi dưỡng hai con phù hợp với nguyện vọng của con chung.

Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu nên không đề cập giải quyết

Về án phí: Chị Ksor H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng: Tòa án đã tống đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho bị đơn theo đúng quy định của pháp luật; tại phiên tòa lần thứ nhất phải hoãn do bị đơn vắng mặt và tiếp tục mở phiên tòa lần thứ hai theo quy định tại Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Ksor H và anh Rcom B chung sống với nhau từ năm 2004 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định. Quá trình chung sống đã phát sinh mâu thuẫn, hiện nay tình cảm giữa chị và anh B đã hết và đồng thời giữa chị và anh B đã sống ly thân trong thời gian dài. Hơn nữa trong thời gian dài chung sống ấy anh chị không có đăng ký kết hôn theo quy định nên cuộc hôn nhân của anh chị là trái pháp luật. Hội đồng xét xử thấy yêu cầu của chị Chị Ksor H yêu cầu Tòa án tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng với anh B là có căn cứ nên chấp nhận.

Về con chung: chị Ksor H và anh Rcom B có 02 con chung là cháu Ksor M, sinh ngày 05/12/2004; và Ksor L, sinh ngày 29/01/2007. Hiện nay các cháu đang ở với chị H, xét yêu cầu của chị H được nuôi cả 02 con cháu là có cơ sở, phù hợp với nguyện vọng của 02 con muốn được ở với chị H nên HĐXX chấp nhận. Quá trình giải quyết vụ án chị H không yêu cầu anh B cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Do đương sự không có yêu cầu nên HĐXX không xem xét.

Về án phí: Chị Ksor H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P T tại phiên tòa là có cơ sở, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 28, 35, 39, 147, 170 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53; điều 81;82 của Luật hôn nhân và gia đình.

Áp dụng khoản 4 Điều 3 Thông tư số 01/2016/TTLT/TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27; Điều 47; Điều 48 của Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2006 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1.Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Ksor H.

Về hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Ksor H và anh Rcom B.

Về con chung: Giao cháu Ksor M, sinh ngày 05/12/2004; và Ksor L, sinh ngày 29/01/2007 cho chị Ksor H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục kể từ ngày hôm nay cho đến khi con đã thành niên hoặc đã thành niên nhưng mất năng lực hành vi dân sự, mất khả năng lao động. Anh Rcom B không phải cấp dưỡng nuôi con.

2.*Về án phí:* Chị Ksor H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001270 ngày 28 tháng 11 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P T, tỉnh Gia Lai. Chị H đã nộp xong.

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án 11/4/2018 các đương sự có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Riêng bị đơn anh Rcom B vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

<u>Nơi nhận</u>:
-*VKSND h. Phú Thiện*
- *THADS h Phú Thiện*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ, lưu Tòa án.*

Ksor Jưh

‘